TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 231/2026/DS-PT
Ngày: 03/02/2026
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hòa

Bà Trần Thị Kim Quy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/DS-PT ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu (nay là Tòa an nhân dân Khu vực A1), bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B, Thôn E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn X và Luật sư Nguyễn Hiền H thuộc Công ty L1 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B, Thôn E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thành T2 thuộc Công ty L2 – Đoàn Luật sư Thành phố H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, Thôn E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn F, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, Thôn G, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: E N, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A N, Phường R, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, Thôn A, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phan Thị T4, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ E, Thôn E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn B chết năm 2007 và bà Nguyễn Thị S chết năm 1976, có 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1. Ngoài ra ông B, bà S không có con riêng hoặc con nuôi. Cha mẹ ông B, bà S chết trước ông B, bà S.

Sinh thời, ông B, bà S có tạo lập được một số tài sản, trong đó có tài sản đang tranh chấp là: Diện tích 239m^2 đất thuộc thửa đất số 26545.45.91, tờ bản đồ số 45 tại thôn E, xã L, thành phố V. Trên đất có cất ngôi nhà gỗ 3 gian có diện tích khoảng 60m^2 (ngang 6m x dài 10m) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 ngày 06/3/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố V cấp đứng tên ông Nguyễn Văn B. Ông T và vợ là bà Phan Thị T4 sinh sống, quản lý, sử dụng nhà đất từ trước đến nay.

Ngày 18/9/2006, ông B lập Di chúc để lại toàn bộ diện tích 239m^2 đất thuộc thửa số 26545.45.91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V và nhà ngôi nhà gỗ 3 gian cho ông T.

Ngày 05/02/2007 ông B chết, ông T và vợ con của ông Trực tiếp T5 quản lý, sử dụng gìn giữ, bảo tồn ngôi nhà cho đến nay.

Do nhà gỗ 3 gian đã xuống cấp nên năm 2014 vợ chồng ông T tiến hành cải tạo lại và xây thêm phần nhà cấp 3 trên diện tích 80m^2 trên diện tích đất còn lại để ở.

Đầu năm 2023, ông Nguyễn Văn T1 (là em trai ông T) yêu cầu vợ chồng ông Trực G ngôi nhà gỗ cho ông T1, ông T không đồng ý thì ông T1 liên tục xúc phạm, hăm dọa gia đình.

Ông B khi còn sống còn lập thêm Tờ Di chúc cùng ngày 18/9/2006 (bản chính ông T đã nộp cho Tòa án), nội dung phân chia cho các con tài sản là diện tích 26.947m^2 đất tọa lạc tại xã T, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo di chúc, ông B chia diện tích đất thành hai phần, một nửa diện tích là di sản của bà S được chia đều cho 9 người con, mỗi người được hưởng 1.497m^2 di sản của bà S. Phần một nửa còn lại là tài sản của ông B được chia cho 9 người con theo ý nguyện của ông, có để lại 3.946m^2 dành dưỡng già. Tất cả 9 người con của ông B, bà S đều đã được nhận tiền đền bù theo diện tích ghi trong Di chúc, cụ thể: Bà Nguyễn Thị T3 được chia 6.000m^2, bà Nguyễn Thị Q được chia 3.000m^2, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T1 mỗi người được chia 2.000m^2.

Riêng phần của ông B là 3.946m^2 ông đã chỉ định trong di chúc: Khi ông mất thì ông T được hưởng phần này để lo hương khói cho cha mẹ cùng với nhà thờ mà ông ghi rõ có di chúc riêng.

Bà S chết năm 1976, ông B mất năm 2007. Việc thừa kế tài sản của cha ông B, bà S sẽ thực hiện theo Bộ luật Dân sự 2005. Điều 645 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định thời hiệu kiện chia thừa kế là 10 năm. Ngày 06/3/2006 (30 năm sau khi bà S chết) thì ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 26545.45.91, TBĐ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V.

Ngoài ra, theo Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Từ ngày 10/9/1990 đến nay đã 33 năm; như vậy, toàn bộ tài sản này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông B, ông có toàn quyền lập di chúc theo quy định của pháp luật.

3

Nay ông T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Tuyên bố Tờ di chúc do ông Nguyễn Văn B lập ngày 18/9/2006 về chỉ định ông Nguyễn Văn T là người thừa hưởng quyền sử dụng thửa đất số 26545.45.91, tờ bản đồ số 45, diện tích 239m^2 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số AD 760827 ngày 06/3/2006 là hợp pháp;

Công nhận thửa đất số 26545.45.91, tờ bản đồ số 45, diện tích 239m^2, tại thôn E, xã L, Tp V, giấy chứng nhận QSD đất số AD 760827 do U cấp ngày 06/3/2006, trên đất có ngôi nhà gỗ 3 gian và ngôi nhà cấp 3 thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn T.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về hàng thừa kế, ông T1 thống nhất với lời trình bày của ông T.

Diện tích 239m^2 đất thuộc thửa đất số 26545.45.91, TBĐ số 45 tại thôn E, xã L, Thành phố V. Trên đất có cất ngôi nhà gỗ 3 gian có diện tích khoảng 60m^2 (ngang 6m x dài 10m) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số AD 760827 ngày 06/3/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Nhà đất này do ông T và vợ là bà Phan Thị T4 quản lý, sử dụng từ trước đến nay.

Đối với Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn B lập ngày 18/9/2006, nội dung ông Nguyễn Văn B để lại toàn bộ diện tích 239m^2 đất thuộc thửa số 26545.45.91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V và nhà ngôi nhà gỗ 3 gian cho ông T là không hợp pháp, bởi lẽ: ông T1 được biết ông B có lập di chúc nhưng đó là tờ di chúc viết tay, không phải đánh máy như ông T cung cấp.

Ông T1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xác định: Diện tích 239m^2 đất thuộc thửa đất số 26545.45.91, TBĐ số 45 tại thôn E, xã L, Thành phố V. Trên đất có cất ngôi nhà gỗ 3 gian có diện tích khoảng 60m^2 (ngang 6m x dài 10m) được cấp giấy chứng nhận QSD đất số AD 760827 do UBND Thành phố V cấp ngày 06/3/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B là tài sản chung của ông B, bà S, trong đó kỷ phần của mỗi người là 1/2 tài sản.

Bà S chết năm 1976, không để lại di chúc, đến nay đã quá 30 năm nên đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế. Ông T là người trực tiếp quản lý tài sản liên tục từ đó đến nay nên được hưởng phần của bà S là 50%.

Ông B chết năm 2006, không để lại di chúc, di chúc ông T cung cấp là không hợp pháp nên 50% tài sản của ông B sẽ chia thừa kế theo pháp luật, trong đó ông T1 được hưởng 1/9 và ông đề nghị được nhận theo hiện vật vì hiện tại ông không có chỗ ở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà S như ông T trình bày. Bà S chết không để lại di chúc. Bà chỉ nghe bà T3 nói lại ông B có để lại 01 tờ di chúc viết tay, người viết là ông Phạm Văn S1. Di chúc có 2 phần, phần đầu là nội dung chia diện tích đất 26.947m^2 tại xã T, huyện T (nay là thị xã P).

Sau khi ông B chết thì anh em trong gia đình đã chia diện tích đất 26.947m^2 theo như ông T trình bày. Ông T được nhận thêm 4000m^2 để lo hương khói cho cha mẹ, được sử dụng căn nhà gỗ 3 gian với diện tích 239m^2 thuộc thửa số 26545.45.91 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V để thờ cúng ông bà. Bà T3 là người cầm tờ di chúc qua nhà ông Đ, ông Đ1 nhờ làm chứng và ra UBND xã L chứng thực nhưng không được chấp nhận với lý do di chúc không hợp lệ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà không có ý kiến gì, mong muốn được hòa giải vì đều là anh em trong gia đình. Tuy nhiên đối với Tờ di chúc đánh máy ngày 18/9/2006 mà ông T đưa ra thì chữ ký trong di chúc "Bảy" không phải là chữ ký của ông B, chữ ký của ông Đ1, ông Đ, ông S1 thì bà không rõ nhưng bà không yêu cầu giám định chữ ký. Do ở xa, bận công việc nên bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông là con trai của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà S như ông T trình bày. Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông T về các tài sản do cha mẹ là ông B bà S để lại và quá trình phân chia ruộng đất như trên.

Đối với phần diện tích đất 239m^2 thuộc thửa số 26545.45.91 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V và căn nhà gỗ 3 gian để thờ cúng ông bà thì thực tế ông T ở với cha mẹ từ nhỏ đến lớn, khi cha mẹ chết thì giao việc quản lý thờ cúng cho ông T.

Đối với di chúc ngày 18/9/2006 do ông T cung cấp thì ông không biết về tờ di chúc này. Nay ông T khởi kiện ông không có ý kiến gì. Trường hợp di chúc là hợp pháp thì đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nếu di chúc không hợp pháp, di sản được chia theo pháp luật thì ông từ chối nhận phần di sản mà ông được hưởng, giao lại phần di sản mà ông được hưởng làm nơi thờ cúng và để ông T quản lý.

Ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

5

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3 trình bày:

Bà là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà S, di sản của ông B, bà S chết để lại và quá trình phân chia ruộng đất như ông T trình bày. Tuy nhiên, đối với tờ di chúc ngày 18/9/2006 mà ông T cung cấp là không đúng sự thật. Chữ ký "Bảy" đứng tên trong tờ di chúc không phải là chữ ký của ông B, chữ ký của những người làm chứng là ông Phạm Văn S1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Phạm Văn Đ1 bà không rõ nhưng bà không yêu cầu giám định. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T bà không có ý kiến gì, bà cũng không đồng ý chia di sản theo quy định của pháp luật, vì đó là di sản dùng vào việc thờ cúng. Trường hợp nếu phải chia di sản theo quy định pháp luật thì bà từ chối nhận kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng.

Bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà S, di sản của ông B, bà S chết để lại và quá trình phân chia ruộng đất như ông T trình bày. Tuy nhiên, đối với tờ di chúc ngày 18/9/2006 mà ông T cung cấp là không đúng sự thật. Chữ ký "Bảy" đứng tên trong tờ di chúc không phải là chữ ký của ông B, chữ ký của những người làm chứng là ông Phạm Văn S1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Phạm Văn Đ1 bà không rõ nhưng bà không yêu cầu giám định. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T bà không có ý kiến gì, bà cũng không đồng ý chia di sản theo quy định của pháp luật, vì đó là di sản dùng vào việc thờ cúng. Trường hợp nếu phải chia di sản theo quy định pháp luật thì bà từ chối nhận kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà S như ông T trình bày. Bà S chết không để lại di chúc. Bà chỉ nghe bà T3 nói lại ông B có để lại 01 tờ di chúc viết tay, người viết là ông Phạm Văn S1. Di chúc có 2 phần, phần đầu là nội dung chia diện tích đất 26.947m^2 tại xã T, huyện T (nay là thị xã P). Sau khi ông B chết thì anh em trong gia đình đã chia diện tích đất 26.947m^2 theo như ông T trình bày. Ông T được nhận thêm 4000m^2 để lo hương khói cho cha mẹ, được ở lại căn nhà với diện tích 239m^2 thuộc thửa số 26545.45.91 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V và căn nhà gỗ 3 gian để thờ cúng ông bà. Bà T3 là người cầm tờ di chúc qua nhà ông Đ, ông Đ1 nhờ

làm chứng và ra UBND xã L chứng thực nhưng không được chấp nhận với lý do di chúc không hợp lệ.

Di chúc ngày 18/9/2006 mà ông T cung cấp bà cho rằng di chúc này là không hợp pháp. Đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký chữ viết trong di chúc theo yêu cầu của ông T1. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì đề nghị Tòa án công nhận diện tích 239m^2 thuộc thửa số 26545.45.91 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V và căn nhà gỗ 3 gian để thờ cúng thuộc sở hữu chung của 09 anh em trong gia đình. Nếu di sản được chia theo pháp luật thì bà yêu cầu được nhận giá trị phần di sản mà bà được hưởng. Trường hợp không ai nhận hiện vật thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Cha mẹ của bà là ông B, bà S. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông T. Khi còn nhỏ anh chị em bà sống cùng cha mẹ, lớn lên, anh chị em trong nhà lập gia đình và có cuộc sống riêng, còn ông T và bà T3 tiếp tục sống cùng cha mẹ. Sau này ông T lấy vợ là bà Phan Thị T4. Vợ chồng ông T là người trực tiếp chăm sóc cha đến lúc chết. Ông B đã nhiều lần nói với bà căn nhà và đất này để lại cho ông T và ông T có nghĩa vụ thờ cúng cha mẹ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T bà đồng ý. Bà yêu cầu công nhận tờ di chúc ngày 18/9/2006 là hợp pháp, công nhận cho ông Nguyễn Văn T được hưởng toàn bộ công trình vật kiến trúc trên diện tích đất 239m^2 thuộc thửa số 26545.45.91 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V. Trường hợp nếu Tòa án phân chia di sản theo quy định của pháp luật thì bà từ chối nhận phần di sản mà bà được hưởng, để lại phần di sản mà bà được hưởng cho ông T bà T4 quản lý và thờ cúng ông bà.

Bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà là con gái của ông B, bà S. Bà là con gái của ông B, bà S. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T bà đồng ý. Bà yêu cầu công nhận tờ di chúc ngày 18/9/2006 là hợp pháp, công nhận cho ông Nguyễn Văn T được hưởng toàn bộ công trình vật kiến trúc trên diện tích đất 239m^2 thuộc thửa số 26545.45.91 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V. Trường hợp nếu Tòa án phân chia di sản theo quy định của pháp luật thì bà từ chối nhận phần di sản mà bà được hưởng, để lại phần di sản mà bà được hưởng cho ông T bà T4 quản lý và thờ cúng ông bà.

7

Bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T4 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T. Sau khi cưới, vợ chồng bà sống cùng ông B tại căn nhà gỗ 3 gian. Quá trình chung sống, bà làm tròn bổn phận nghĩa vụ chăm sóc cha chồng. Năm 2007, ông B chết. Năm 2014 vợ chồng bà có sửa lại căn nhà, kinh phí sửa chữa hết khoảng 700.000.000 đồng, trong đó tiền ông B để lại khoảng 200.000.000 đồng, bà N1 cho 65.000.000 đồng, số tiền còn lại của vợ chồng bà. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T, bà đồng ý và muốn tiếp tục được ở lại căn nhà mà cha chồng (ông B) để lại. Bà T4 không có yêu cầu độc lập.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/9/2023, người làm chứng - ông Phạm Văn P trình bày: chữ ký của ông Phạm Văn S1 tại Tờ di chúc ngày 18/9/2006 đúng là của ông S1 (cha ông Phục). Đồng thời ông P cung cấp Tờ di chúc lập ngày 19/9/2005 của ông S1 có xác nhận chữ ký ông S1 của UBND xã L, Thành phố V để Tòa án làm căn cứ giám định.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/9/2023, người làm chứng – bà Nguyễn Thị Tú A trình bày: Chữ ký của ông Nguyễn Văn Đ tại Tờ di chúc ngày 18/9/2006 đúng là của ông Đ (cha ruột bà Tú A). Bà Tú A cung cấp cho Tòa án: 01 Tờ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 tờ Giấy đề nghị vay vốn; 01 tờ bản tự khai có chữ ký của ông Đ để Tòa án làm căn cứ giám định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11), quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Tuyên bố Tờ di chúc ngày 18/9/2006 của ông Nguyễn Văn B có nội dung để lại 239 m^2 đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 45 tại thôn E, xã L, Thành phố V cho ông Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Công nhận ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng, định đoạt đối với diện tích 239 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân Thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B.

Ông T được quyền và có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2024, ông T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông T và ông T1 thống nhất công nhận cho ông T được quyền quản lý, sử dụng định đoạt đối với diện tích 239 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân Thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn T để ngôi nhà gỗ làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; không ai có quyền ngăn cản các anh chị em và các cháu đến thắp hương cho ông bà, tổ tiên và không được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp...vv.

- Luật sư X, Luật sư H và Luật sư T2 thống nhất với ý kiến của ông T và ông T1.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho ông T được quyền quản lý, sử dụng định đoạt đối với diện tích 239 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T để ngôi nhà gỗ làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; không ai có quyền ngăn cản các anh chị em và các cháu đến thắp hương cho ông bà, tổ tiên và không được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp...vv.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hàng thừa kế: Ông Nguyễn Văn B, chết năm 2007 và bà Nguyễn Thị S, chết năm 1976, có 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, bà

Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1. Cha mẹ ông B, bà S chết trước ông B, bà S. Ông B, bà S không có con riêng hoặc con nuôi.

Căn cứ Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B gồm: bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1.

[2] Về di sản thừa kế:

Quá trình chung sống, ông B và bà S tạo lập được nhiều tài sản, trong đó có diện tích 239m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 45 tại Thôn E, xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là L, Thành phố Hồ Chí Minh). Trên đất có ngôi nhà gỗ 3 gian, diện tích 60m².

Nguồn gốc di sản do ông B, bà S tạo lập trước năm 1975. Năm 1976, bà S qua đời, tài sản lúc đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 13/3/1976 bà S chết không để lại di chúc. Sau khi bà S chết, tài sản do ông B và các con quản lý sử dụng. Khoảng đầu những năm 1990, các con chung của bà S, ông B đều lập gia đình hoặc chuyển ra ngoài sống riêng. Lúc này, tài sản do ông B và ông T quản lý, sử dụng. Năm 1995, ông T kết hôn với bà T4, ông T, bà T4 cùng nhau sinh sống trên nhà đất này và chăm sóc ông B cho đến khi ông B qua đời. Ngày 06/3/2006, Ủy ban nhân dân Thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 cho hộ ông Nguyễn Văn B.

Ngày 18/9/2006, ông B lập Tờ di chúc với nội dung để lại diện tích 239m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 45 tại Thôn E, xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là L, Thành phố Hồ Chí Minh). Trên đất có ngôi nhà gỗ 3 gian, diện tích 60m^2 cho ông T, có 03 người hàng xóm là ông Nguyễn Văn Đ, ông Phạm Văn S1 và ông Phạm Văn Đ1 làm chứng.

Ngày 05/02/2007 ông B chết. Năm 2014, vợ chồng ông T cải tạo nhà gỗ, đồng thời xây mới ngôi nhà cấp 3 có diện tích 80m² phần diện tích đất còn lại.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tính hợp pháp của Tờ di chúc ngày 18/9/2006 của ông Nguyễn Văn B:

Về hình thức: Tờ di chúc ngày 18/9/2006 của ông Nguyễn Văn B được đánh máy thành văn bản, có chữ ký của ông Nguyễn Văn B và chữ viết, chữ ký của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ, ông Phạm Văn S1 và ông Phạm Văn Đ1 đều là hàng xóm của ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Tòa án đã tiến hành giám định đối với chữ ký của ông S1, ông Đ và ông B.

- Theo Kết luận giám định số 141/KL-KTHS-TL ngày 10/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B thì chữ ký ông S1, ông Đ tại Tờ di chúc và các mẫu chữ ký gia đình 02 ông cung cấp là do cùng một người viết ra;

- Theo Kết luận giám định số 20/KL-KTHS-TL ngày 20/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký ông B tại Tờ di chúc ngày 18/9/2006 (đối với toàn bộ nhà đất tại Thôn E, xã L, thành phố V) với mẫu chữ ký tại Biên bản hòa giải đề ngày 31/7/2003 và Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 31/7/2003 do cùng một người ký hay không;

Chữ ký ông B tại tại Tờ di chúc ngày 18/9/2006 (đối với toàn bộ nhà đất tại Thôn E, xã L, thành phố V) với mẫu chữ ký tại Tờ di chúc ngày 18/9/2006 (đối với khu đất tại xã T, huyện T) do cùng một người ký ra.

- Theo Kết luận giám định số 791/KL-KTHS ngày 14/01/2026 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký ông B tại Tờ di chúc ngày 18/9/2006 (đối với toàn bộ nhà đất tại Thôn E, xã L, thành phố V) với mẫu chữ ký tại Giấy khai sinh đề ngày 02/5/1989, Biên bản kiểm kê (đất dai, nhà cửa...) đề ngày 29/3/2005 và Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 06/8/1996 do cùng một người ký hay không.

Về nội dung: Tờ di chúc ngày 18/9/2006 của ông Nguyễn Văn B thể hiện ông B để lại cho ông Nguyễn Văn T ngôi nhà gỗ và diện tích đất 239m^2 thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 45 tại Thôn E, xã L, thành phố V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Việc ông B lập di chúc hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Thời điểm lập di chúc ông B sức khỏe tốt, minh mẫn, sáng suốt.

Quá trình giải quyết vụ án, tất cả các người con của ông B, bà S đều xác định ngôi nhà gỗ và diện tích đất 239m^2 thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 45 tại Thôn E, xã L, Thành phố V là tài sản của ông B, bà S tạo lập.

Ngoài vợ chồng ông T là người cải tạo căn nhà gỗ vào năm 2014 thì không ai có ý kiến, không ai cung cấp chứng cứ chứng minh công sức đóng góp, cải tạo nhà đất cùng với ông B, bà S. Ngày 06/3/2006, ông B được Ủy ban nhân dân thành phố

V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B các con của ông B đều không ai khiếu nại đối với việc cấp giấy chứng nhận cũng như tranh chấp.

Bà S chết ngày 13/3/1976, tính đến thời điểm ông B lập di chúc ngày 18/9/2006 là đã trên 30 năm, căn cứ khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005, phần di sản bà S để lại thuộc về ông B và ông T là hai người thừa kế đang trực tiếp quản lý di sản. Do đó, ông B có quyền lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của ông là ½ diện tích nhà đất và ¼ diện tích nhà đất ông được hưởng từ di sản của bà S trong tổng số 239m² cho ông T. Đối với ¼ diện tích nhà đất ông T được hưởng từ bà S, ông B định đoạt cho ông T, hiện nay ông T không phản đối điều này và có yêu cầu công nhận di chúc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định Tờ di chúc ngày 18/9/2006 của ông Nguyễn Văn B có nội dung để lại nhà đất tại thôn E, xã L, thành phố V cho ông T đảm bảo điều kiện của Di chúc hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều 652, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc tuyên Tờ di chúc này hợp pháp và công nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thôn E, xã L, thành phố V cho ông T là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông T1 thống nhất công nhận cho ông T được quyền quản lý, sử dụng định đoạt đối với diện tích 239 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Ông T không được mua bán, tặng cho...vv ngôi nhà gỗ mà để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; ông T không được ngăn cản các anh chị em và các cháu đến thắp hương cho ông bà, tổ tiên.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm: Công nhận cho ông T được quyền quản lý, sử dụng định đoạt đối với diện tích 239 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn T để ngôi nhà gỗ làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; không ai có quyền ngăn cản các anh chị em và các cháu đến thắp hương cho ông bà, tổ tiên và không được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp...vv.

Về chi phí đo vẽ, định giá: Ông T tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

Chi phí giám định: Ông T1 tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004117 ngày 19/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, ông T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 652, Điều 654 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Tuyên bố TỜ DI CHÚC ngày 18/9/2006 của ông Nguyễn Văn B có nội dung để lại 239m^2 đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 45 tại thôn E, xã L, TP V cho ông Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Công nhận ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý sử dụng, định đoạt đối với diện tích 239 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại thôn E, xã L, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 760827 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 06/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Văn B.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T để ngôi nhà gỗ làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; không ai có quyền ngăn cản các anh chị em và các cháu đến thắp

hương cho ông bà, tổ tiên và không được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp...vv.

Ông Nguyễn Văn T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 65.862.051 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000727 ngày 22/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu, ông T còn phải nộp thêm 53.862.051 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng ông T1 đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004117 ngày 19/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu.

3. Về chi phí đo vẽ, định giá: Ông T tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

Chi phí giám định: Ông T1 tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Khu vực 11;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Uông Văn Tuấn